TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-07-2024
V/v tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung và đòi lại giá trị quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Lâm Thị Kim Xuyến;

2. Ông Nguyễn Văn Thuần.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và đòi lại giá trị quyền sử dụng đất"; theo Quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hà Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thị xã K, Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Ngô Thị Kim D - Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

- Bị đơn: Bà Lê Hoàng O, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, Long An.

Người đại diện theo ủy quyền về chia tài sản chung: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A, ấp G, xã B, thị xã K, Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn T1, sinh năm 1971.

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Số G, ấp B, xã T, thị xã K, Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hà Văn T trình bày:

Ông Hà Văn T và bà Lê Hoàng O xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 07/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất hòa. Ông T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với bà O.

Ông T với bà O có 01 con chung Hà Việt T2, sinh ngày 05/08/2015, giới tính nam; ông T đang nuôi dưỡng. Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà O cấp dưỡng; ông T đủ điều kiện nuôi con vì từ trước đến nay phần lớn do ông nuôi dưỡng và đưa rước con đi học, ngoài làm ruộng phụ cha mẹ ra, ông có buôn bán thêm, ai thuê gì làm đó, thu nhập trung bình hàng tháng được khoảng 10.000.000 đồng.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 16 chỉ vàng 24 Kara (1 sợi dây chuyền 1 lượng và mặt 1 chỉ, lắc 1 chỉ, 5 chỉ vàng 18 Kara là vòng xi men do bà O đang quản lý). Ông T không yêu cầu Tòa án chia. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Vợ chồng không có nợ chung với nhau.

Đối với các thửa đất số 409, 495, 574, tờ bản đồ số 6, loại đất LUC, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/3/2017 cho ông Hà Văn T và bà Lê Hoàng O, không phải là tài sản chung của ông T với bà O; vợ chồng chỉ đứng tên giùm cho ba mẹ là ông Hà Văn T1 và bà Nguyễn Thị V nên ông T không đồng ý chia. Trường hợp Tòa án xác định các thửa đất số 409, 495, 574 là tài sản chung thì ông T yêu cầu Tòa án chia cho ông 7 phần, bà O 3 phần.

Ông T đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Hà Văn T1 trong vụ án.

Bị đơn bà Lê Hoàng O và người đại diện theo ủy quyền về tranh chấp chia tài sản trình bày:

Vợ chồng bà O, ông T không còn điều kiện, khả năng hàn gắn để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình vì tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà O đồng ý ly hôn với ông T.

Bà O với ông T có một con chung Hà Việt T2, sinh ngày 05/08/2015, giới tính nam; ông T đang nuôi dưỡng. Bà O yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung của ông T và bà O là các thửa đất số 409, 495, 574, loại đất LUC, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Bà O yêu cầu được nhận ½ giá trị của các thửa đất số 409, 495, 574. Bà O yêu cầu ông T giao 460.000.000 đồng; bà O đồng ý giao các thửa đất trên cho ông T được quyền sử dụng riêng.

Ông K không biết được nguồn tiền nào mà bà O với ông T mua được các thửa đất số 409, 495, 574 và không đồng ý yêu cầu độc lập của ông Hà Văn T1. Bà O và ông T không có nợ chung với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T1 trình bày:

Năm 2016, ông Hà Văn Đ có nhờ ông Võ Đông H sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã K, tỉnh Long An đứng ra kêu ông T1 bán khoảng 10.000m^2 đất lúa tại các thửa đất số 409, 495, 574, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An với điều kiện để cho con của ông T1 là ông Hà Văn T đứng tên thì ông Đ mới bán với giá 360.000.000 đồng. Do đó, ông T1 đồng ý để cho ông T và bà O đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi mua đất ông T1 là người trả 360.000.000 đồng cho ông Đ. Vì quan hệ cha con nên ông T1 không có làm giấy tờ gì. Từ năm 2001 đến nay, ông T1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng 10.000 m^2 đất lúa đã mua của ông Đ. Ông T có phụ ông T1 làm ruộng, còn bà O không trực tiếp canh tác ngày nào. Ông T1 đã mua 10.000m^2 đất trên 02 lần và trả tiền 02 lần. Ông T bà O không có bỏ ra khoản tiền nào.

Bà O yêu cầu ông T chia cho bà O ½ giá trị của 10.000m^2 các thửa đất nêu trên thì ông T1 yêu cầu ông Hà Văn T phải trả lại số tiền 460.000.000 đồng và bà Lê Hoàng O phải trả lại số tiền 460.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà Nguyễn Thị V thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông T1. Bà V xác định số tiền mua đất là tài sản chung của bà với ông T1 nên bà V đồng ý để ông T1 đứng ra khởi kiện trong vụ án. Bà V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Đ trình bày:

Vào năm 2017, ông Đ có bán thửa đất có diện tích 10.737,02m^2 ở xã T, thị xã K, tỉnh Long An cho vợ chồng cháu Hà Văn T và Lê Hoàng O với số tiền 150.000.000 đồng, nhưng giá bán thực tế là 360.000.000 đồng. Số tiền 360.000.000 đồng ông T đã trả cho ông Đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại phiên toà, ông T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bà O; yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà O.

Bà O đồng ý ly hôn với ông T; yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; bà O xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông T.

Ông Hà Văn T1 xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với ông T và bà O.

Ông Hà Văn Đ vắng mặt không lý do. Bà Nguyễn Thị V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa không tự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung tranh chấp trong vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Văn T trình bày:

Ông T yêu cầu ly hôn thì được bà O đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà O. Ông T và bà O đều yêu cầu nuôi con chung Hà Việt T2, nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T2 do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đã ổn định tâm lý, sinh hoạt và học hành. Ông T đang sống chung với cha mẹ nên đủ điều kiện tiếp tục nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà O đã rút yêu chia tài sản chung với ông T để tự thỏa thuận với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà O theo quy định pháp luật.

Ông T, bà O đều xác định không có nợ chung với nhau nên đề nghị không xem xét.

Ông Hà Văn T1 đã rút lại yêu cầu độc lập đối với ông T, bà O là hoàn toàn tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông T1 theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã tuân thủ pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Ông T và bà O tự nguyện thuận tình ly hôn nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự.

Ông T và bà O đều yêu cầu nuôi con chung, nhưng xét thấy từ khi ông T và bà O sống ly thân nhau thì cháu T2 do ông T nuôi dưỡng, phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và được học hành. Ông T đủ điều kiện tiếp tục nuôi con nên giao cháu T2 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà O tự nguyện rút lại yêu cầu phản tố chia tài sản và ông T1 tự nguyện rút lại yêu cầu độc lập trong vụ án nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của đương sự đã rút trong vụ án theo quy định pháp luật.

Bà O tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và quyết định về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tố tụng: Ông Hà Văn T khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với bà Lê Hoàng O. Bà O phản tố yêu cầu chia tài sản chung. Ông Hà Văn T1 có yêu cầu ông T, bà O trả lại giá trị quyền sử dụng đất. Căn cứ theo khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ tố tụng là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và đòi lại giá trị quyền sử dụng đất"*, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Hà Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Bà Nguyễn Thị V vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Ông Hà Văn T1 rút lại yêu cầu độc lập đối với ông Hà Văn T, bà Lê Hoàng O về yêu cầu trả lại giá trị các thửa đất số 409, 495, 574; cùng tờ bản đồ số 6, loại đất LUC, tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Bà Lê Hoàng O rút yêu cầu chia tài sản chung đối với ông Hà Văn T. Xét thấy, việc rút yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà đương sự đã rút trong vụ án.

[4] Ông T yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu chia tài sản chung. Bà O rút yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung; các đương sự xác định không còn nợ chung với nhau. Ông Hà Văn T1 rút yêu cầu độc lập; các đương sự còn lại không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[5] Về yêu cầu ly hôn: Ông T và bà O xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã K vào ngày 07/11/2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T với bà O do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp và tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay nên ông T yêu cầu ly hôn thì bà O đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông T với bà O.

[6] Về nuôi con chung: Ông T với bà O có một con chung tên Hà Việt T2, sinh ngày 05/08/2015, giới tính: Nam; hiện nay do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông T và bà O đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, từ khi ông T và bà O sống ly thân nhau cho đến nay thì cháu T2 sống với

cha; đã ổn định về đời sống, tâm lý, việc học tập và theo nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với cha. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên bà O không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung với nhau nên không xem xét.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng trong vụ án là 33.864.000 đồng. Bà O tự nguyện chịu toàn bộ. Bà O đã nộp xong và chi phí hết.

[11] Về án phí: Ông T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà O, ông T1 theo quy định pháp luật.

[12] Như đã phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông T và ý kiến bảo vệ của Luật sư là có căn cứ nên được chấp nhận. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 245, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của ông Hà Văn T với bà Lê Hoàng O.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Hà Văn T và bà Lê Hoàng O. Ông T và bà O thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Ông Hà Văn T với bà Lê Hoàng O có một con chung tên Hà Việt T2, sinh ngày 05/08/2015, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn, ông T được quyền trực tiếp nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Lê Hoàng O không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung:* Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Các đương sự xác định không có nợ chung với nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Lê Hoàng O đối với ông Hà Văn T về yêu cầu chia các thửa đất số 409, 495 và 574; cùng tờ bản đồ số 6, loại đất LUC, tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà O có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Hà Văn T1 đối với ông Hà Văn T, bà Lê Hoàng O về yêu cầu trả lại giá trị quyền sử dụng các thửa đất số 409, 495 và 574; cùng tờ bản đồ số 6, loại đất LUC, tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông T1 có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Hoàng O tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng là 33.864.000 đồng. Bà O đã nộp xong và chi phí hết.

5. Về án phí:

Ông Hà Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn; khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo Biên lai thu số 0003091 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Hoàn trả lại cho ông T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Hoàn trả cho bà Lê Hoàng O 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0003095 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Hà Văn T1 tiền tạm ứng án phí là 19.800.000 đồng theo Biên lai thu số 0003186 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thuần **Lâm Thị Kim Xuyến** **Nguyễn Văn Phương**